

CHUYỂN ĐỔI VÀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CÔNG TY NHÀ NƯỚC THEO HÌNH THỨC CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN: THỰC TRẠNG VÀ THÁCH THỨC

TRẦN XUÂN LỊCH*

Để phát huy đầy đủ quyền chủ động trong hoạt động kinh doanh, nâng cao hiệu quả hoạt động của những doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và đảm bảo cho những doanh nghiệp này hoạt động trên cùng một mặt bằng pháp lý với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác theo tinh thần của Nghị quyết các Hội nghị Trung ương và hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp nhà nước và Luật Doanh nghiệp, đến nay, Chính phủ và các Bộ, ngành có liên quan đã ban hành và kịp thời sửa đổi bổ sung các văn bản pháp luật về việc chuyển đổi công ty nhà nước thành Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) một thành viên. Các văn bản pháp luật có liên quan đến chuyển đổi như về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, chính sách đối với lao động dôi dư khi chuyển đổi cho phù hợp với yêu cầu cải cách doanh nghiệp nhà nước, Luật Doanh nghiệp 2005 đã thu được những kết quả nhất định.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy, dường như hình thức chuyển đổi này không được đón nhận một cách tích cực như hình thức cổ phần hoá. Vì sao lại có thực tế như vậy? Bài viết này sẽ đánh giá tình hình chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm

hữu hạn một thành viên, tập trung phân tích những khó khăn, vướng mắc và vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện chuyển đổi, đồng thời đưa ra các khuyến nghị, giải pháp thúc đẩy quá trình chuyển đổi và nâng cao hiệu quả hoạt động của hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

1. Đánh giá tình hình chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ của Vụ Đổi mới doanh nghiệp, Văn phòng Chính phủ, kể từ khi bắt đầu thực hiện chuyển đổi công ty nhà nước thành TNHH một thành viên, theo Nghị định 63/2001/NĐ-CP ngày 14/9/2001, đến hết tháng 6/2007, cả nước chỉ có khoảng 266 doanh nghiệp Nhà nước đã hoàn thành quá trình chuyển đổi sang công ty TNHH một thành viên. Trong đó, những Bộ, ngành, địa phương, tổng công ty, tập đoàn kinh tế có số lượng doanh nghiệp chuyển đổi và thành lập mới khá lớn là: Bộ Công nghiệp có 27 doanh nghiệp, Bộ Xây dựng: 8, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 6, Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy: 16,

* Trần Xuân Lịch, Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương.

Tập đoàn Điện lực Việt Nam: 8, Tổng công ty Giấy: 10... Đồng thời với quá trình chuyển đổi, một số bộ, ngành, địa phương, tổng công ty đã tiến hành thành lập mới công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, điển hình là Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam đã thành lập mới 30 công ty.

Sau gần 6 năm thực hiện việc chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty TNHH một thành viên, có một số kết quả thuận lợi và khó khăn, vướng mắc nảy sinh chủ yếu như sau:

1.1 Những kết quả thuận lợi

Thứ nhất là, khung pháp luật về chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước (nay là công ty nhà nước) thành công ty TNHH một thành viên tương đối hoàn chỉnh, đồng bộ và được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung kịp thời cho phù hợp với chủ trương đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước và yêu cầu của thực tế.

Nhằm thể chế hoá Nghị quyết Trung ương và hướng dẫn Luật Doanh nghiệp 1999, ngày 14/9/2001, Chính phủ đã ban hành Nghị định 63/2001/NĐ-CP về chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; các bộ có liên quan đã ban hành các văn bản hướng dẫn có liên quan như Thông tư số 01/2002/TT-BKH ngày 28/1/2002 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về quy trình chuyển đổi, Thông tư 26/2002/TT-BTC ngày 22/3/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính khi chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Đồng thời, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 58/2002/QĐ-TTg ngày 26/4/2002 về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước và tổng công ty nhà nước và đã phê duyệt đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước của các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh làm cơ sở cho việc tổ chức thực hiện chuyển đổi. Như vậy, ngay tại thời điểm này, Chính phủ đã hình thành tương đối hoàn chỉnh,

đồng bộ khung pháp luật từ việc xác định đối tượng chuyển đổi; trình tự, thủ tục chuyển đổi, nguyên tắc xử lý tài chính và lao động; cấp có thẩm quyền phê duyệt và quyết định chuyển đổi, tổ chức thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển đổi.

Tuy nhiên, các quy định về chuyển đổi công ty nhà nước được xây dựng và ban hành nhằm thể chế các định hướng của Đảng về cải cách doanh nghiệp nhà nước và tuân thủ khung pháp lý của Luật Doanh nghiệp nhà nước, Luật Doanh nghiệp. Vì vậy trong giai đoạn 2001 đến nay, Chính phủ đã kịp thời sửa đổi, bổ sung khung pháp luật về chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty TNHH một thành viên (2 lần sửa đổi, bổ sung qua việc ban hành Nghị định 145/2005/NĐ-CP ngày 21/11/2005 về sửa đổi một số điều Nghị định 63/NĐ-CP và Nghị định 95/NĐ-CP thay thế Nghị định 63/NĐ-CP) cho phù hợp với chủ trương “Khẩn trương chuyển các doanh nghiệp mà Nhà nước giữ 100% vốn sang hoạt động theo chế độ công ty TNHH một thành viên” và những thay đổi của Luật Doanh nghiệp nhà nước 2003, Luật Doanh nghiệp 2005. Cụ thể là:

- Để phù hợp với định hướng chuyển cả công ty nhà nước là công ty mẹ trong mô hình công ty mẹ - công ty con; công ty mẹ của tập đoàn kinh tế do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, công ty nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng an ninh và các đơn vị phụ thuộc trong tổng công ty; khung pháp luật về chuyển đổi đã mở rộng đối tượng áp dụng đối với: (i) Công ty nhà nước là công ty mẹ trong mô hình công ty mẹ - công ty con; công ty mẹ của tập đoàn kinh tế do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập; (ii) Công ty nhà nước độc lập – không chỉ gồm các công ty nhà nước hoạt động kinh doanh (iii) Đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc Tổng công ty nhà nước.

- Bên cạnh việc quy định điều kiện doanh nghiệp thuộc ngành, lĩnh vực và địa bàn mà Nhà nước cần nắm giữ 100% vốn điều lệ, một số quy định về điều kiện chuyển đổi đã

được bổ sung như sau: (i) Quy mô vốn “Có mức vốn điều lệ không thấp hơn 30 tỷ đồng đối với công ty nhà nước độc lập hoặc đơn vị hạch toán phụ thuộc của tổng công ty, của công ty mẹ và 500 tỷ đồng đối với công ty mẹ”; (ii) Trường hợp là đơn vị hạch toán phụ thuộc tổng công ty, công ty mẹ thì việc chuyển đổi không ảnh hưởng đến hoạt động của tổng công ty, công ty mẹ; và (iii) Phải được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhằm hạn chế sự tùy tiện trong lựa chọn công ty nhà nước chuyển đổi.

- Bổ sung Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước vào đối tượng đại diện chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên cho phù hợp với quy định của Chính phủ. Thành lập Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước để thực hiện chức năng đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước và chuyển các công ty TNHH một thành viên hiện nay đang do các bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh làm chủ sở hữu sang cho Tổng công ty này thực hiện.

Thứ hai là, có sự chuyển biến trong nhận thức về chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Phần lớn các bộ ngành, địa phương và doanh nghiệp chuyển đổi đều đã có sự chuyển biến về nhận thức và đã xác định được việc chuyển đổi không chỉ đáp ứng yêu cầu của pháp luật (Luật Doanh nghiệp 2005 quy định tất cả các công ty nhà nước phải chuyển thành công ty TNHH và công ty cổ phần trong thời hạn 4 năm kể từ ngày 01/07/2006) mà còn là cơ hội để tạo sự bình đẳng giữa công ty 100% vốn nhà nước với các loại hình doanh nghiệp khác, và để chủ động cũng như tích cực hơn trong việc tổ chức thực hiện việc chuyển đổi, đổi mới tổ chức quản lý, cơ chế hoạt động của loại doanh nghiệp này theo thông lệ kinh tế thị trường và yêu cầu hội nhập quốc tế.

Thứ ba là, trình tự, thủ tục chuyển đổi nhìn chung được đánh giá là đơn giản, thuận tiện. Khác với hình thức cổ phần hóa, chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty

TNHH một thành viên không dẫn đến việc thay đổi chủ sở hữu, doanh nghiệp chuyển đổi kế thừa toàn bộ lao động và vốn, tài sản theo sổ sách nên không mất nhiều thời gian xác định lại giá trị doanh nghiệp theo giá thị trường. Đồng thời, mặc dù có sự điều chỉnh một số quy định theo chủ trương định hướng mới của Đảng và theo những quy định mới của Luật Doanh nghiệp nhà nước 2003, Luật Doanh nghiệp 2005 trong từng giai đoạn cụ thể, nhưng về cơ bản trình tự thủ tục chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty TNHH một thành viên được quy định khá đơn giản, ít có sự thay đổi (chỉ sửa đổi một số quy định mang tính tác nghiệp cho phù hợp với quy định mới được ban hành).

Sự chậm trễ của tiến trình chuyển đổi (như sẽ đề cập dưới đây) không nằm ở trình tự, thủ tục chuyển đổi, mà chủ yếu do thay đổi tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước và những vướng mắc của mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sau chuyển đổi chưa tạo động lực cho nỗ lực chuyển đổi và ảnh hưởng đến các khâu tiến hành thực hiện như xây dựng đề án, thiết kế mô hình tổ chức hoặc quản lý.

1.2. Những khó khăn, vướng mắc và vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện chuyển đổi

Thứ nhất là, còn một số vướng mắc trong xác định tiêu chí, đối tượng chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên như sau:

- Tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ chưa có tính ổn định, chưa có tính dài hạn dẫn tới doanh nghiệp chuyển đổi phải điều chỉnh hình thức sắp xếp. Trong 5 năm qua (từ 2002 đến nay), tiêu chí này đã thay đổi tới 3 lần (Quyết định 58/2002/QĐ-TTg ngày 26/4/2002, Quyết định 155/2004/QĐ-TTg ngày 24/8/2004 và Quyết định 38/2007/QĐ-TTg ngày 20/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ) dẫn tới tình trạng nhiều doanh nghiệp đã được đưa vào danh mục chuyển thành

công ty TNHH một thành viên đang triển khai chuyển đổi thì lại bị dừng lại để chuyển sang hình thức đa dạng hóa sở hữu hoặc đã chuyển thành công ty TNHH một thành viên lại phải chuyển đổi thêm một lần nữa (sang hình thức cổ phần hóa), gây khó khăn, tốn kém và kéo dài việc chuyển đổi.

- Các tiêu chí phân loại theo ngành, lĩnh vực, địa bàn; nhưng trong thực tế, nhiều công ty nhà nước hoạt động trong một số ngành, lĩnh vực, tại một số địa bàn khác nhau kể cả vùng núi, vùng sâu vùng xa dẫn đến các khó khăn, lúng túng trong việc áp dụng tiêu chí để phân loại hoặc dẫn đến sự tùy tiện trong việc xác định các doanh nghiệp này thuộc loại giữ lại 100% vốn nhà nước hay cổ phần hoá ở mức chi phối hoặc không chi phối, hoặc phải tách ra thành các bộ phận để sắp xếp cho phù hợp với tiêu chí phân loại.

- Căn cứ và tiêu chí phân loại mới chỉ có thể xác định được doanh nghiệp do Nhà nước nắm 100% vốn điều lệ, nhưng chưa đủ cụ thể để xác định biện pháp sắp xếp doanh nghiệp do nhà nước nắm 100% vốn điều lệ là chuyển ngay thành công ty TNHH một thành viên không qua biện pháp sắp xếp lại là công ty nhà nước. Vì vậy, không đầy nhanh được chuyển đổi doanh nghiệp.

- Chưa phân biệt rõ tiêu chí phân loại doanh nghiệp do Nhà nước trực tiếp nắm giữ vốn với tiêu chí phân loại doanh nghiệp để hình thành tập đoàn kinh tế và nhóm công ty theo hình thức công ty mẹ - công ty con; giữa khái niệm Nhà nước trực tiếp sở hữu 100% vốn ở công ty mẹ với khái niệm công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ.

- Chưa quy định tiêu chí phân loại doanh nghiệp đối với công ty mẹ do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con, trong tập đoàn kinh tế, nên nhiều bộ, ngành, uỷ ban nhân dân cấp tỉnh lúng túng trong xác định và tổ chức thực hiện chuyển đổi đối với loại công ty này trong khi thời hạn chuyển đổi theo quy định của Luật Doanh nghiệp không còn dài.

- Chưa có tiêu chí và chưa có quy định về việc chuyển các đơn vị sự nghiệp sang thành công ty TNHH một thành viên.

Thứ hai là, quá trình tổ chức thực hiện chuyển đổi thường bị kéo dài trong khâu xây dựng và phê duyệt phương án chuyển đổi.

Một trong những thủ tục mà doanh nghiệp cần phải làm khi chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là xây dựng điều lệ công ty sau chuyển đổi; trong đó có việc xác định mô hình tổ chức công ty và việc dự kiến Chủ tịch kiêm hay không kiêm Giám đốc công ty. Tuy nhiên, sau khi Luật Doanh nghiệp 2005 có hiệu lực thi hành đã phát sinh vấn đề có hay không cho phép Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty do Luật này quy định không cụ thể dẫn đến tình trạng các cơ quan nhà nước và doanh nghiệp lúng túng và kéo dài thời gian trong xây dựng phương án và phê duyệt phương án chuyển đổi.

Thứ ba là, nhiều bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp chưa chú ý đến việc xử lý tài chính và đặc biệt là xử lý lao động dôi dư nên đã ảnh hưởng không tốt đến tình hình hoạt động của công ty sau chuyển đổi.

Do quan niệm chuyển đổi thành công ty TNHH một thành viên chỉ là chuyển đổi hình thức pháp lý và phải “kế thừa toàn bộ” vốn, tài sản, lao động trên sổ sách nên nhiều bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp không tiến hành xử lý triệt để các tồn tại về tài chính và đặc biệt là lao động dôi dư nên ảnh hưởng không tốt tới tình hình doanh nghiệp sau chuyển đổi. Thực tế cho thấy, phần lớn các công ty đã chuyển thành công ty TNHH một thành viên, nhưng nay theo tiêu chí phân loại mới phải chuyển thành công ty cổ phần đều đề nghị cho tiếp tục xử lý lao động dôi dư.

Thứ tư là, mặc dù đã có nhiều tiến triển tích cực so với giai đoạn 2001-2004, nhưng hoạt động đăng ký kinh doanh của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên chuyển đổi từ công ty nhà nước vẫn còn một

số vấn đề phát sinh, tạo tâm lý không tốt cho doanh nghiệp về môi trường hoạt động sau chuyển đổi.

Thực tế này có nhiều nguyên nhân, trong đó chủ yếu do pháp luật hiện hành chưa quy định rõ ràng và cụ thể, dẫn tới thiếu nhất quán trong nhận thức giữa cơ quan đăng ký kinh doanh và doanh nghiệp chuyển đổi, cụ thể là:

- Tại một số địa phương, đã có hiện tượng cán bộ đăng ký kinh doanh yêu cầu doanh nghiệp phải có quyết định chia vốn điều lệ cho các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên giống như công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; yêu cầu công ty phải ghi thêm giải thích vào ngành nghề đăng ký trong khi ngành, nghề này đã được ghi rõ trong quyết định chuyển đổi.

- Việc xin cấp Giấy đăng ký kinh doanh cho đơn vị thành viên (công ty con) trong nhóm công ty có công ty mẹ là công ty TNHH một thành viên ở một số Sở Kế hoạch và Đầu tư còn lúng túng, làm chậm hoặc cấp phép cho doanh nghiệp chưa đúng theo quy định hiện hành.

2. Đánh giá tình hình hoạt động và tổ chức quản lý của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên chuyển đổi từ công ty nhà nước.

2.1. Những kết quả khả quan

Tuy động lực chuyển đổi không cao nhưng hầu hết các doanh nghiệp sau chuyển đổi hoạt động ổn định, bộ máy chủ động hơn, mở rộng hơn ngành nghề kinh doanh, có sự tăng trưởng (về sản lượng, doanh thu, nộp ngân sách) cao hơn năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do: (i) Doanh nghiệp được xử lý những tồn đọng về tài chính, lao động; (ii) Doanh nghiệp được giao quyền tự chủ, độc lập cao hơn nên nhiều vấn đề phải trình chủ sở hữu đã giảm so với trước; và (iii) ở những nơi nhận thức đúng về mục tiêu chuyển đổi, thực hiện đúng quy định chỉ có một tổ chức là chủ sở hữu đã khắc phục được tình trạng

phân tán quyền hạn và trách nhiệm của chủ sở hữu cũng như giảm can thiệp của các cơ quan chức năng nhà nước (sở, ban, ngành) vào hoạt động của bộ máy quản lý doanh nghiệp.

2.2. Những tồn tại và hạn chế

Không thể phủ nhận một thực tế là *chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty TNHH một thành viên không được đón nhận một cách tích cực như hình thức cổ phần hóa*. Nguyên nhân chủ yếu nằm ở mô hình hoạt động của công ty TNHH một thành viên có nhiều khiếm khuyết, không tạo động lực cho việc chuyển đổi, chưa tạo ra tính ưu việt hơn hẳn so với mô hình công ty nhà nước như loại hình công ty cổ phần, thường bị coi là “bình mới rượu cũ”,... Tuy nhiên, cũng cần phải khẳng định, đã có những sai lệch và thiếu nhất quán trong nhận thức về các vấn đề cụ thể của mô hình này nên dẫn tới cơ chế vận hành trong thực tế gặp nhiều vướng mắc, đặc biệt là quản trị công ty. Cụ thể như sau:

Thứ nhất là, việc hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với công ty TNHH một thành viên chưa được đổi mới trong thực tế nên về cơ bản không có sự khác biệt lớn so với trước chuyển đổi. Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn mới chỉ quy định nội dung chức năng chủ sở hữu nhưng chưa hướng dẫn cụ thể về cơ chế vận hành, tổ chức thực hiện để thực hiện các chức năng đó như đầu mối, cơ chế, trình tự và thủ tục tiếp nhận kiến nghị - xử lý kiến nghị - ban hành quyết định (hoặc phê duyệt) - và chuyển tải các quyết định của chủ sở hữu tới công ty nhất là đối với các công ty do Ủy ban nhân dân tỉnh làm chủ sở hữu. Vì vậy đã xảy ra tình trạng tổ chức thực hiện không thống nhất, thậm chí một số cơ quan, tổ chức không phải chủ sở hữu công ty, nhưng đã ban hành các quyết định (dưới hình thức công văn, hướng dẫn) có nội dung thuộc thẩm quyền của chủ sở hữu.

Thứ hai là, cơ chế quản lý tài chính, lao động, tiền lương trong công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu vẫn tương tự như công ty nhà nước nên chưa tạo đột phá, đổi mới thật sự và chưa tạo tâm lý tích cực cho các công ty nhà nước thuộc đối tượng chuyển đổi.

- Cơ chế quản lý tài chính của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên vẫn áp dụng các nguyên tắc như công ty nhà nước về các mặt quản lý vốn chi phí, doanh thu, giá thành,... Hơn nữa, nhiều công ty cho rằng loại công ty này bị thiệt thòi hơn công ty nhà nước do không được chia lợi nhuận theo vốn tự huy động như công ty nhà nước.

- Cơ chế quản lý lao động, tiền lương vẫn chưa có chuyển biến rõ rệt thể hiện ở việc vẫn áp dụng các nguyên tắc phân hạng công ty, thực hiện thang, bảng lương, chế độ đãi ngộ, tuyển chọn, cho thôi việc đối với lao động,... như công ty nhà nước. Cá biệt có trường hợp lạm dụng quyền tự chủ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trong việc tuyển chọn lao động và không nắm rõ tinh thần của Nghị định số 41/2002/NĐ-CP ngày 11/4/2002 nên đã tuyển khá ồ ạt lao động mới vào làm việc dẫn đến dư thừa lao động và lại kiến nghị cho tiếp tục xử lý lao động dôi dư.

Thứ ba là, chưa có sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động của các cơ quan chức năng đối với doanh nghiệp nhà nước sau chuyển đổi, tâm lý dè dặt còn nặng nề giữa công ty nhà nước và doanh nghiệp tư nhân trong việc phân biệt đối xử về các chính sách đối với doanh nghiệp.

Một số công ty chuyển đổi gặp nhiều khó khăn hơn so với công ty nhà nước trong việc vay vốn như được vay ít, phải “thế chấp” thay cho “tín chấp”. Bên cạnh đó còn xuất hiện nhiều bất cập trong các quan hệ hành chính khác làm ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, thu nhập của người lao động, cũng như tạo ra tâm lý nặng nề cho cán bộ quản lý của các doanh nghiệp nhà nước sau chuyển đổi.

Thứ tư là, công tác giám sát, đánh giá và bảo đảm lợi ích của chủ sở hữu nhà nước vẫn tiếp tục bị buông lỏng và không có thay đổi so với trước chuyển đổi.

Thực tế cho thấy phần lớn các công ty TNHH một thành viên áp dụng mô hình Chủ tịch kiêm Giám đốc, nhưng cả chủ sở hữu và Công ty đều rất lúng túng trong việc tổ chức giám sát hoạt động của Giám đốc và Chủ tịch công ty. Luật Doanh nghiệp 2005 quy định mỗi công ty TNHH một thành viên phải có từ 1-3 kiểm soát viên, nhưng đến nay vẫn chưa có quy định hướng dẫn về chế độ làm việc của kiểm soát viên, chế độ phối hợp làm việc giữa các kiểm soát viên trong trường hợp bổ nhiệm từ 2-3 kiểm soát viên. Chủ sở hữu cũng chưa thực sự quan tâm và chưa có giải pháp để giám sát, bảo đảm để công ty sau chuyển đổi thực hiện đúng Luật Doanh nghiệp. Hầu hết các công ty đã chuyển đổi sang công ty TNHH một thành viên trước khi Luật Doanh nghiệp 2005 có hiệu lực thi hành đều chưa tiến hành sửa đổi điều lệ theo quy định của Luật này (thay Hội đồng quản trị bằng Hội đồng thành viên với chức năng và quyền hạn, trách nhiệm mới; bổ sung kiểm soát viên công ty). Vì vậy, công tác giám sát, đánh giá và bảo đảm lợi ích của chủ sở hữu nhà nước vẫn tiếp tục bị buông lỏng và không có thay đổi so với trước chuyển đổi.

Thứ năm là, lúng túng trong hình thành và vận hành mối quan hệ giữa chủ sở hữu với bộ máy quản lý điều hành công ty.

- Về nguyên tắc, Chủ tịch công ty, Hội đồng thành viên sẽ nhân danh chủ sở hữu để tổ chức thực hiện các quyền của chủ sở hữu; quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của công ty. Tuy nhiên, chưa có quy định hướng dẫn những vấn đề do chủ sở hữu trực tiếp quyết định và những vấn đề phân công cho Hội đồng thành viên quyết định nên dẫn đến lúng túng trong tổ chức thực hiện.

- Trong triển khai thực hiện sau chuyển đổi, do giữ nguyên thói quen cũ và một phần

không dám tự chịu trách nhiệm nên có khá nhiều công ty vẫn tiến hành xin ý kiến chỉ đạo hoặc phê duyệt của chủ sở hữu đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền đã được phân cấp, ví dụ quyết định các khoản vay, dự án đầu tư, bán tài sản. Với thực tế đó, không ít ý kiến cho rằng Chủ tịch công ty, Hội đồng thành viên chỉ là một cấp trung gian giữa bộ máy điều hành (Giám đốc) với chủ sở hữu.

Thứ sáu là, chậm trễ trong việc chuyển giao đầu mối chủ sở hữu nhà nước tại các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Tính đến tháng 3/2007, cả nước mới có 4 tỉnh (bao gồm Lạng Sơn, An Giang, Phú Yên, Khánh Hòa) chuyển giao quyền chủ sở hữu 17 công ty TNHH một thành viên (với tổng số khoảng 100 tỷ đồng vốn điều lệ) cho Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước. Phần lớn các bộ, ngành và địa phương khác chưa thực hiện việc chuyển giao này với nhiều lý do khác nhau, trong đó, đã xuất hiện tư tưởng và nhận thức coi đây là chuyển giao về “quyền lợi”, quyền quản lý đối với doanh nghiệp, vì vậy, không ít địa phương, bộ, ngành trì hoãn việc chuyển giao này.

3. Kiến nghị các giải pháp thúc đẩy quá trình chuyển đổi và nâng cao hiệu quả hoạt động của hình thức công ty TNHH một thành viên

3.1. Sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến chuyển đổi

- Sửa đổi, bổ sung tiêu chí phân loại doanh nghiệp theo hướng: phân biệt rõ loại công ty *chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên* do Nhà nước trực tiếp sở hữu 100% vốn điều lệ (doanh nghiệp độc lập các loại gồm công ty nhà nước độc lập, công ty TNHH một thành viên độc lập, công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con, trong tập đoàn kinh tế) và loại công ty do công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ (các công

ty con, các doanh nghiệp thành viên của tổng công ty khi chuyển sang mô hình công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế).

- Bổ sung quy định tiêu chí ngành, lĩnh vực, địa bàn mà Nhà nước giữ 100% vốn điều lệ ở công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con, trong tập đoàn kinh tế và khi chuyển thành công ty TNHH một thành viên.

- Bổ sung thêm đối tượng chuyển đổi thành công ty TNHH một thành viên gồm các đơn vị sự nghiệp và điều kiện chuyển đổi.

- Bãi bỏ tiêu chí doanh nghiệp phải có quy mô vốn nhà nước trên 30 tỷ đồng mới được chuyển thành công ty TNHH một thành viên quy định tại Nghị định số 95/NĐ-CP ngày 8/9/2006 cho phù hợp với đặc điểm cụ thể của các tỉnh miền núi, ngành đặc thù (xổ số, lâm nghiệp, thủy nông) và cho phù hợp với tiêu chí mới được xác định tại Quyết định số 38/2007/QĐ-TTg ngày 20/3/2007.

- Ban hành quy định chi tiết hướng dẫn về chuyển đổi Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn sang hoạt động theo mô hình công ty TNHH một thành viên.

- Ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể quy trình chuyển đổi một số công ty nhà nước hoạt động trong lĩnh vực đặc thù như kiểm toán chuyển thành công ty TNHH hai thành viên trở lên nhằm tránh cho loại công ty này phải chuyển đổi thành công ty cổ phần rồi mới chuyển đổi được thành công ty TNHH từ hai thành viên trở lên theo quy định của Nghị định 105/2004/NĐ-CP về kiểm toán độc lập.

- Sửa đổi bổ sung một số quy định về đăng ký kinh doanh nhằm thực hiện thống nhất trong đăng ký kinh doanh đối với loại hình công ty TNHH một thành viên.

3.2. Sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến tổ chức hoạt động của công ty sau chuyển đổi:

- Ban hành văn bản hướng dẫn (hoặc giao UBND tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn)

cơ chế vận hành, tổ chức thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu như đầu môi, cơ chế, trình tự và thủ tục tiếp nhận kiến nghị - xử lý kiến nghị - ban hành quyết định (hoặc phê duyệt) - và chuyển tải các quyết định của chủ sở hữu tới công ty, nhất là đối với các công ty do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm chủ sở hữu.

- Sửa đổi, bổ sung những bất cập trong cơ chế quản lý tài chính, lao động, tiền lương ở công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu; nhằm tạo đột phá, đổi mới thật sự và tạo tâm lý tích cực cho các công ty nhà nước thuộc đối tượng chuyển đổi.

- Sửa đổi hoặc ban hành các quy định vai trò, chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của cơ quan, tổ chức của Chính phủ thực hiện quyền chủ sở hữu nhà nước tại Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước và các công ty mẹ hoạt động theo hình thức công ty TNHH một thành viên trong tập đoàn kinh tế, nhóm công ty theo hình thức công ty mẹ - công ty con.

- Ban hành quy định hướng dẫn về phân cấp ủy quyền và mối quan hệ giữa chủ sở hữu với bộ máy quản lý điều hành công ty, về chế độ làm việc của kiểm soát viên, chế độ phối hợp làm việc giữa các kiểm soát viên trong công ty TNHH một thành viên. Trong đó yêu cầu các công ty đã chuyển đổi trước khi Luật Doanh nghiệp 2005 có hiệu lực phải sửa đổi, bổ sung mô hình, điều lệ công ty cho phù hợp với Luật này và đảm bảo công tác giám sát, đánh giá và lợi ích của chủ sở hữu nhà nước.

- Nghiên cứu soạn thảo ban hành hướng dẫn cụ thể về hoạt động của các tổ chức đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp chuyển đổi.

3.3. Tổ chức thực hiện:

- Tiếp tục tiến hành tập huấn, quán triệt cho các bộ ngành, địa phương và doanh nghiệp để nhận thức được đúng đắn mục tiêu và bản chất của chuyển đổi; trong đó chú ý đến việc xử lý tài chính và đặc biệt là

xử lý lao động dôi dư trong quá trình chuyển đổi nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của công ty sau chuyển đổi.

- Chính phủ chỉ đạo các bộ, UBND dân cấp tỉnh đẩy nhanh việc bàn giao quyền đại diện chủ sở hữu tại các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trong diện phải bàn giao cho Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh

-
1. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 Khóa IX.
-

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Báo cáo kết quả đổi mới, sắp xếp phát triển doanh nghiệp nhà nước và phương hướng nhiệm vụ 2006-2010 (Tháng 10, 2006), Ban Chỉ đạo Đổi mới và phát triển doanh nghiệp 2006.
2. Luật Doanh nghiệp Nhà nước 2003.
3. Luật Doanh nghiệp 2005.
4. Nghị định 63/2001/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14 tháng 9 năm 2001 về chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
5. Nghị định 145/2006/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2001/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2001 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
6. Nghị định số 95/2006/NĐ-CP ngày 8/9/2006 của Chính phủ về chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
7. Nghị quyết Đại hội Đảng khóa X, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
8. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 Khóa IX.
9. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 Khóa IX.
10. Quyết định số 58/2002/QĐ-TTg ngày 26/4/2002 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước và Tổng công ty nhà nước.
11. Quyết định 155/2004/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2004 về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại công ty nhà nước.
12. Quyết định số 38/2007/QĐ-TTg ngày 20/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ, việc ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp 100% vốn nhà nước.